|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY TNHH MTV  THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH  **MST: 3001658799**  Số: /CT-KHKT  Về việc thực hiện Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

Kính gửi:

- UBND tỉnh;

* Sở Kế hoạch và đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 1270/BKHĐT-PTDN ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch đầu tư; Công văn số 831/UBND-CN1 ngày 04 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Thực hiện Công văn số 357/SKHĐT-ĐKKD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Sở Kế hoạch và đầu tư về việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Hà Tĩnh xây dựng các nội dung công bố thông tin theo mẫu quy định tại điều 13, điều 16, điều 19 Nghị định 81/2015/NĐ-CP của Chính phủ với các nội dung cụ thể được trình bày ở các Phụ lục kèm theo.

Kính đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư xem xét, trình UBND tỉnh để thông tin được công khai theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu KH, VT. | **GIÁM ĐỐC**  **Lê Hồng Sơn** |

**PHỤ LỤC IV**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY TNHH MTV  THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH  **MST: 3001658799**  Số: /CT-KHKT  Về việc thực hiện Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

**I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2015**

**1.1. Đánh giá khái quát tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Được sự quan tâm, giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và đầu tư và các cấp, ngành liên quan; sự đồng tình ủng hộ của các địa phương, đơn vị và nhân dân trong vùng hưởng lợi, cùng với sự nổ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị luôn đạt hoặc vượt mức kế hoạch đề ra:

- Về tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao, đảm bảo cấp nước cho 42.858 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 6 huyện, thị xã, thành phố: huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Hương Khê, Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh, thành phố Hà Tĩnh.

- Về nhiệm vụ quản lý công trình:

Công ty luôn chú trọng công tác quản lý công trình đảm bảo an toàn phục vụ nhân dân, từ công trình đầu mối đến hệ thống kênh và công trình trên kênh, luôn được kiểm tra, rà soát hiện trạng thực tế trong quá trình phục vụ sản xuất và trước mùa mưa, bão.

Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các hiện tượng vi phạm phạm vi công trình thủy lợi.

- Về kết quả đầu tư phát triển:

Trong năm 2015, Công ty làm Chủ đầu tư của 06 dự án đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm: Tiểu dự án HCN Khe Xai, dự án Đường ứng cứu hồ Kẻ Gỗ, dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bộc Nguyên, dự án Xây dựng đường ống cấp nước Bộc Nguyên, dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi Sông Tiêm và dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7). Trong đó:

+ 04 dự án đang ở giai đoạn hoàn thành, dự kiến sẽ hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2016, bao gồm: Tiểu dự án HCN Khe Xai, dự án Đường ứng cứu hồ Kẻ Gỗ, dự án Sửa chữa, nâng cấp HCN Bộc Nguyên và dự án xây dựng hệ thống cấp nước Bộc Nguyên.

+ Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh (WB7) được tài trợ bởi nguồn vốn của Ngân hàng thế giới, được khởi công vào năm 2014 và dự kiến hoàn thành vào năm 2020.

**1.2. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2015**

*Bảng 1: Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2015 và kế hoạch năm 2016*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện năm 2015** | **Kế hoạch năm 2016** |
| 1 | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu |  |  |  |
| - | Diện tích tưới tiêu | Ha | 42.858 | 42.789 |
| - | Kinh doanh nước thô | M3 | 5.455.099 | 5.728.000 |
| 2 | Doanh thu | Tr.đồng | 52.331 | 54.128 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 5.539 | 2.245 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 1.680 | - |
| 5 | Kế hoạch đầu tư phát triển | Tr.đồng | 419.772 | 105.944 |
| - | Nguồn ngân sách | Tr.đồng | 84.500 | 16.600 |
| - | Vốn vay | Tr.đồng | 335.272 | 89.344 |
| 6 | Tổng lao động | Người | 335 | 335 |
| 7 | Tổng quỹ lương | Tr.đồng | 15.494 | 19.702 |
| - | Quỹ lương quản lý | Tr.đồng | 1.399 | 1.704 |
| - | Quỹ lương lao động | Tr.đồng | 14.095 | 17.998 |

**II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016**

Với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng sang cây trồng cạn, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản dẫn đến diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm, ảnh hưởng đến nguồn thu chính của công ty.

Nhu cầu cho việc cấp nước cho các nhà máy sản xuất nước sạch trên địa bàn tỉnh và các khu công nghiệp ngày càng cao trong khi tình hình nước ngọt ngày càng khan hiếm, đòi hỏi các ngành chức năng liên quan vào cuộc để củng cố, đầu tư lại hệ thống cấp nước, tránh làm thất thoát nước gây lãng phí.

*Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 được thể hiện tại Bảng 1.*

**III. Các giải pháp để thực hiện**

1. Giải pháp về nguồn nhân lực và công nghệ kỹ thuật

Công ty ngày càng ổn định và phát triển vững mạnh thì việc áp dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, khai thác và vận hành càng phải có đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ để điều hành và thực hiện.

Triển khai bổ sung quy hoạch lực lượng cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị: xét chọn trong lực lượng cán bộ và lao động hiện có của đơn vị, đồng thời tuyển dụng cán bộ trẻ, cán bộ các đơn vị khác trong ngành có trình độ, năng lực chuyên môn cao để sẵn sàng tiếp cận áp dụng thành thạo khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; kết hợp điều chuyển cán bộ trẻ về các cụm, trạm thâm nhập với thực tế, từng vị trí công trình để tổng hợp sức mạnh và trí tuệ của tập thể cán bộ, người lao động trong Công ty tạo thành sức mạnh hoàn thiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật tiếp cận khoa học công nghệ theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa, đặc biệt là tiếp cận hệ thống SCADA, hệ thống cảnh báo mưa lũ,...

2. Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống công trình thủy lợi.

Đối với Công ty, nhiệm vụ nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống công trình thủy lợi mang tính chất trước mắt và lâu dài gồm:

- Xây dựng phương án quản lý hệ thống theo vùng, khu vực, có sự tham gia phối hợp cơ quan chuyên trách (như Công an) của chính quyền các cấp, của người dân vùng hưởng lợi.

- Nghiên cứu phương án quản lý hệ thống khu tưới và vùng hạ du, đây là phép tính cân đối nâng cao hiệu quả công trình thủy lợi đáp ứng theo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ biển đối khí hậu, cần phải có giải pháp phối hợp với các cấp chính quyền cơ sở để khi áp dụng vào thực tế phù hợp với từng địa bàn.

- Nghiên cứu phương án đảm bảo an toàn hồ đập theo đúng thể chế, chính sách hiện tại, xem xét những hạn chế, bất cập, từ đó đề xuất, kiến nghị với Nhà nước, UBND các cấp, sở ngành chức năng có thẩm quyền bổ sung sửa đổi cho phù hợp với thực tế và điều kiện biển đổi khí hậu như hiện nay.

- Nghiên cứu phương án quản lý khai thác công trình thủy lợi hiệu quả bao gồm các nhiệm vụ: Công tác đầu tư, sửa chữa hệ thống công trình; Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khai thác, sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm chống lãng phí nguồn nước, nghiên cứu ứng dụng các thiết bị quan trắc dự báo để kịp thời có phương án giải quyết các tình huống có thể gây ra sự cố trong quá trình quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đồng thời nghiên cứu phương án phát triển cung ứng dịch vụ có thu để hỗ trợ nguồn tài chính đầu tư tái sản xuất và nâng cao đời sống cho người lao động làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình.

**Phụ lục V**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP*

*ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG TY TNHH MTV  THỦY LỢI NAM HÀ TĨNH  **MST: 3001658799**  Số: /CT-KHKT  Về việc thực hiện Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 3 năm 2016* |

Năm báo cáo: năm 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm trước

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện năm 2013** | **Thực hiện năm 2014** | **Thực hiện năm 2015** | **Ước thực hiện năm 2016** |
| 1 | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu |  |  |  |  |  |
| - | Diện tích tưới tiêu | Ha | 42.554 | 41.804 | 42.858 | 42.789 |
| - | Kinh doanh nước thô | M3 | 2.725.615 | 5.119.272 | 5.455.099 | 5.728.000 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 46.538 | 51.709 | 52.331 | 54.128 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 3.493 | 3.842 | 5.539 | 2.245 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 832 | 1.410 | 1.680 | - |
| 5 | Kế hoạch đầu tư phát triển | Tr.đồng | 75.633 | 203.343 | 419.772 | 105.944 |
| - | Nguồn ngân sách | Tr.đồng | 55.500 | 85.000 | 84.500 | 16.600 |
| - | Vốn vay | Tr.đồng | 20.133 | 118.343 | 335.272 | 89.344 |
| 6 | Tổng lao động | Người | 342 | 349 | 335 | 335 |
| 7 | Tổng quỹ lương | Tr.đồng | 14.838 | 15.029 | 15.494 | 19.834 |
| - | Quỹ lương quản lý | Tr.đồng | 1.496 | 1.294 | 1.399 | 1.836 |
| - | Quỹ lương lao động | Tr.đồng | 13.342 | 13.735 | 14.095 | 17.998 |

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và thường xuyên của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sở NN & PTNT, Đảng ủy khối doanh nghiệp và các Sở, Ngành cấp tỉnh liên quan, sự phối hợp của chính quyền địa phương các cấp và các đơn vị hưởng lợi;

- Sự đoàn kết và tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty;

- Công tác phối hợp chỉ đạo điều hành tưới giữa phòng và các cụm, trạm thực hiện thường xuyên liên tục đảm bảo phối hợp tốt;

- Hầu hết cán bộ công nhân viên đã có kinh nghiệm, nhiệt tình và tâm huyết trong việc chỉ đạo, điều tiết nước phục vụ sản xuất;

- Được Nhà nước quan tâm đầu tư, nâng cấp đảm bảo an toàn cho một số hồ đập, công trình đầu mối, kiên cố hóa một số hệ thống công trình kênh mương đảm bảo phát huy hiệu quả dẫn và tiết kiệm được nguồn nước hơn;

b. Khó khăn:

- Phạm vi hoạt động rộng, hệ thống công trình thủy lợi trải dài trên địa bàn lớn thuộc 06 huyện, thị xã và thành phố; Công trình kênh mương phần lớn đi qua vùng địa hình địa chất phức tạp, đi qua khu dân cư, làng mạc, lại nằm ở vùng xa xôi hẻo lánh, nhiều tuyến kênh, đầu mối không có đường quản lý;

- Ý thức chấp hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi của một số bộ phận nhân dân chưa được tốt. Việc vi phạm lấn chiếm và sử dụng hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi còn nhiều và phổ biến, việc thải rác bẩn, nước sinh hoạt chưa qua xử lý làm ô nhiễm môi trường và gây ách tắc dòng chảy còn xảy ra thường xuyên ở trên khắp các tuyến kênh và ở tại hầu hết các địa phương. Công tác quản lý, bảo vệ hết sức khó khăn phức tạp;

- Tập tục sử dụng nước của nhân dân còn lãng phí nhất là vùng đầu kênh. Chưa có tinh thần trách nhiệm trong việc đắp bờ giữ nước, trong việc phối hợp điều hành, điều tiết với Công ty dẫn đến thất thoát chảy xuống ao, hồ sông suối còn nhiều;

- Một số địa phương chưa quan tâm đến công tác thủy lợi, chưa phối hợp giúp đỡ Công ty trong việc tuyên truyền, ngăn chặn phát hiện, và xử lý các hành vi vi phạm Pháp lệnh KTCT thủy lợi, nhiều sự việc vi phạm đã được Công ty phản ảnh nhưng không được giải quyết dứt điểm. Việc lãnh đạo, chỉ đạo không quyết liệt nên một số vùng triển khai gieo cấy còn manh mún không đồng bộ thiếu tập trung. Còn để hiện tượng tranh chấp diện tích xảy ra ở nhiều địa phương.

**Phụ lục VII**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

*(Ban hành theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên doanh nghiệp | Giữ nguyên | Thoái vốn | | Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo | | | | | | | | Tỷ lệ nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn | Kế hoạch năm tiếp theo | Ghi chú |
| CPH | | | | | | Các hình thức khác | |
| Hoàn thành trong năm báo cáo | Chưa hoàn thành | Thành lập Ban Chỉ đạo | Đang xác định giá trị DN | Quyết định công bố giá trị DN | Quyết định phê duyệt phương án | Đã IPO | Đại hội đồng cổ đông lần 1 | Tên hình thức | Đã có quyết định phê duyệt |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
|  | Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Hà Tĩnh | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC X**

**BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của Doanh nghiệp:

\* Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:

Căn cứ quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch được duyệt trong năm công ty trả lương theo năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh cho từng đơn vị, bộ phận và cá nhân người lao động.

Tùy vào từng nhiệm vụ được giao cụ thể của từng cán bộ CNV, người lao động, HĐTV, Giám đốc quyết định chi trả căn cứ vào xếp loại năng suất lao động, trình độ lao động và nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, phụ trợ khác. Mức trả từ 1 đến 2,5 lần so với mức lương cơ bản (k).

Tiền lương của CBCNV-NLĐ hàng tháng được tạm ứng không quá 80% và được thanh quyết toán 6 tháng 1 lần.

\* Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý Doanh nghiệp: Điều 4 Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch), kiểm soát viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc), Phó tổng giám đốc (hoặc phó giám đốc), kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, nguyên tắc được xác định như sau:

1. Tiền lương đối với viên chức quản lý chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có khống chế mức hưởng tối đa.

2. Thù lao đối với viên chức quản lý không chuyên trách tại công ty được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách; đối với viên chức quản lý được cử đại diện vốn góp ở nhiều công ty, doanh nghiệp khác thì khoản thù lao do công ty, doanh nghiệp khác trả được nộp về công ty để chi trả theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tối đa không vượt quá 50% mức tiền lương thực tế được hưởng tại công ty. Phần còn lại (nếu có) được hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

3. Quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động, do công ty xây dựng và trình chủ sở hữu phê duyệt. Hàng tháng, viên chức quản lý được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

4. Tiền lương, thù lao của viên chức quản lý được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

5. Tiền thưởng của viên chức quản lý được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, được trả một phần vào cuối năm, phần còn lại sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

6. Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Kiểm soát viên xác định theo quy định tại Nghị định này phải được trích nộp cho chủ sở hữu để hình thành quỹ chung, trên cơ sở đó chủ sở hữu chi trả cho Kiểm soát viên theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với Kiểm soát viên tài chính tại tập đoàn kinh tế nhà nước thì trích nộp cho Bộ Tài chính để đánh giá, chi trả.

b. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2016:

\* Quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động: 17.998.000.000 đồng

\* Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý DN: 1.704.000.000 đồng

c. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Doanh nghiệp:

\* Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

Thực hiện chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng gắn với hiệu quả kinh doanh và căn cứ vào ngày, giờ công lao động, hệ số lương cấp bậc công việc được xếp gắn với chất lượng công tác theo các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và của công ty.

\* Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý Doanh nghiệp:

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng được trả cho viên chức quản lý gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả quản lý, điều hành của viên chức quản lý theo quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của công ty.

2. Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng được xây dựng theo quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở và có ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu trước khi thực hiện.

3. Đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên chuyên trách hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách kiêm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc thì chỉ được nhận tiền lương của một chức danh cao nhất.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Doanh nghiệp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2015** | | **Năm 2016** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| **I** | **HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP** | **DOANH NGHIỆP HẠNG I** | | | |
| **II** | **TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG** |  |  |  |  |
| 1 | Lao động | Người | 329 | 329 | 329 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | Tr.đ/tháng | 3,75 | 3,75 | 4,56 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 14.095 | 14.095 | 17.998 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người LĐ | Triệu đồng |  | 1.870 |  |
| 5 | Thu nhập bình quân | Tr.đ/tháng | 4,5 | 4,5 | 5,5 |
| **III** | **TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP** |  |  |  |  |
| 1 | Số người quản lý Doanh nghiệp | Người | 06 | 06 | 06 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Tr.đ/tháng | 23,4 | 23,4 | 23,67 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 1.392 | 1.399 | 1.704 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Tr.đ/tháng | 23,2 | 23,3 | 23,67 |
| 5 | Quỹ tiền thưởng |  |  | 192 |  |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng |  |  |  |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Tr.đ/tháng | 25,65 | 25,61 | 25,5 |

*\* Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng.*

Quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2015 của người lao động và viên chức quản lý công ty được xác định theo các quy định về quản lý tiền lương, tiền thưởng của nhà nước hiện hành. Việc quản lý sử dụng được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định đã có tác dụng khuyến khích, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, tích cực nỗ lực trong lao động công tác để đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao nhất của viên chức quản lý và người lao động trong công ty.

*\* Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng:*

Cần có chính sách tăng tiền lương, tiền thưởng để đảm bảo đời sống cho người lao động.